

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/DS-ST
Ngày: 07-9-2018
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn
2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2018/TLST-DS, ngày 19 tháng 6 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2018/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị V

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Kiến N, bà Lê Thị K

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông H, bà V có mặt; ông N, bà K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12-6-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị V trình bày:

Ngày 07-4-2016 ông, bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Kiến N, bà Lê Thị K vay số tiền 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng) để đóng ghe tàu đánh bắt cá. Trong giấy mượn tiền ngày 07-4-2016, vợ chồng ông N, bà K hẹn trong thời hạn 01 năm sẽ trả số nợ trên cho ông, bà. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ ông, bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông N, bà K trả số tiền trên nhưng vợ chồng ông N, bà K vẫn không trả.

Vì vậy, ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Kiến N, bà Lê Thị K trả cho ông, bà số tiền nợ gốc mà vợ chồng ông N, bà K đã vay là 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng).

Đối với tiền lãi: Tuy trong giấy mượn tiền các bên không có thỏa thuận về tiền lãi, nhưng đến hạn trả nợ vợ chồng ông N, bà K không trả nên ông, bà yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông N, bà K phải trả lãi cho ông, bà đối với khoản nợ chậm trả theo mức lãi suất là 0,75%/tháng, tạm tính từ ngày 07-4-2017 đến ngày 07-6-2018 là 14 tháng, thành tiền là: 70.000.000đồng x 0,75%/tháng x 14 tháng = 7.350.000đồng. Ông, bà yêu cầu vợ chồng ông N, bà K tiếp tục trả lãi đối với khoản nợ chậm trả đến ngày xét xử sơ thẩm.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Kiến N, bà Lê Thị K nhưng ông N, bà K không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị V khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Kiến N, bà Lê Thị K. Tại thời điểm ông H, bà V khởi kiện thì ông Nguyễn Kiến N, bà Lê Thị K đang cư trú tại thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Q thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Kiến N, bà Lê Thị K tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông N, bà K vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn ông Nguyễn Kiến N, bà Lê Thị K, trong đó có nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông N, bà K không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án làm việc. Do đó, căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 07-4-2016 và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xác định: Ngày 07-4-2016 ông Nguyễn Kiến N, bà Lê Thị K có vay của vợ chồng ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị V 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng).

[4] Trong giấy mượn tiền ngày 07-4-2016, ông Nguyễn Kiến N, bà Lê Thị K hẹn trả nợ trong thời hạn 01 năm nhưng đến hạn ông N, bà K không trả. Việc ông Nguyễn Kiến N, bà Lê Thị K không trả nợ khi đến hạn cho ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị V là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy, ông H, bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Kiến N, bà Lê Thị K trả số tiền nợ gốc 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng) mà ông N, bà K đã vay là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với tiền lãi: Trong giấy mượn tiền ngày 07-4-2016 các bên không có thỏa thuận về lãi suất cho vay nhưng có thỏa thuận về thời hạn trả nợ là 01 năm.

Vì vậy, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ (ngày 07-4-2017), ông Nguyễn Kiến N, bà Lê Thị K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông H, bà V yêu cầu ông N, bà K phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, ông N, bà K phải trả cho ông H, bà V số tiền lãi tính từ ngày 07-4-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07-9-2018) là: $70.000.000 \text{đồng} \times 0,75\% / \text{tháng} \times 17 \text{ tháng} = 8.925.000 \text{đồng}$ (tám triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

[6] Tổng cộng: Ông Nguyễn Kiến N, bà Lê Thị K phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị V tổng số tiền là 78.925.000đồng (bảy mươi tám triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng), trong đó: Tiền gốc là 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng), tiền lãi là 8.925.000đồng (tám triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

[7] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông Nguyễn Kiến N, bà Lê Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: $78.925.000 \text{đồng} \times 5\% = 3.946.250 \text{đồng}$ (ba triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng). Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 471, 474 và 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị V.

2. Buộc ông Nguyễn Kiến N, bà Lê Thị K phải trả cho ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị V tổng số tiền là 78.925.000đồng (bảy mươi tám triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng), trong đó: Tiền gốc là 70.000.000đồng (bảy mươi triệu đồng), tiền lãi là 8.925.000đồng (tám triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

4. Về án phí:

Ông Nguyễn Kiến N, bà Lê Thị K phải chịu 3.946.250đồng (ba triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị V 1.933.750đồng (một triệu chín trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Trần Văn H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003382 ngày 19-6-2018.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Q;
- Chi Cục THADS Tp. Q;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong